TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53** /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chất và ông Trần Văn Nghi
- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2024/TLST - HNGĐ ngày 22/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐST - HNGĐ ngày 03/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1984; ĐKHK tại: xóm D, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang tạm trú tại: xóm F Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn**: Anh Cao Văn H, sinh năm 1973; ĐKHK và trú tại: xóm D, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt tại phiên tòa lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 22/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Cao Văn H đăng ký kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã K, huyện Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh H tại xóm D, xã T thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được nên chị và anh H đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay

về chung sống cùng anh H được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Cao Thanh T, sinh ngày 07/10/2009 và Cao Bảo C, sinh ngày 20/11/2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị mỗi tháng 5.000.000^{đ} (Cụ thể: Con Cao Thanh T là 2.500.000^{đ}, con Cao Bảo C là 2.500.000^{đ}) kể từ khi Tòa án có quyết định đến khi con thành niên.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận với nhau. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Cao Văn H trong bản tự khai ngày 11/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh và chị D có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2008 tại UBND xã K, huyện Y; Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải những không được cải thiện mà càng nặng nề hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Nay chị D xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con: Anh xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Cao Thanh T, sinh ngày 07/10/2009 và Cao Bảo C, sinh ngày 20/11/2013. Khi ly hôn anh xin được nuôi 02 con và không yêu cầu chị D đóng góp tiền nuôi con cho anh. Trường hợp các con có nguyện vọng ở với ai thì anh tôn trọng ý kiến của các con.

Về tài sản chung: Anh và chị D đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của các con chung: Con chung của vợ chồng tên là Cao Thanh T, sinh ngày 07/10/2009 khi được hỏi ý kiến thì cháu xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn, cháu Cao Bảo C, sinh ngày 20/11/2013 khi được hỏi ý kiến thì cháu xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Hội đồng xét xử và người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung:

- Áp dụng Điều 51, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Cao Văn H.

- Giao cháu Cao Thanh T, sinh ngày 07/10/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; giao cháu Cao Bảo C, sinh ngày 20/11/2013 cho chị

D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Hai bên không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với anh Cao Văn H, có địa chỉ cư trú tại xóm D, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị D và anh Cao Văn H đăng ký kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã K, huyện Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ đầu năm 2024 cho đến nay vợ chồng chị D, anh H sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Theo chị D và anh H nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cả hai bên đều xác định do mâu thuẫn không khắc phục được nên từ đầu năm 2024 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị D có yêu cầu xin ly hôn anh H cũng đồng ý.

Xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh H cư trú, đại diện UBND xã T cho biết hiện nay chỉ có anh H đang sinh sống tại xóm D, xã T, vợ chồng sống ly thân nhau; về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì. Đối với việc chị D làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng giữa chị D và anh H có mâu thuẫn; mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả; đã có thời gian sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cần được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị D và anh H có 02 con chung tên là Cao Thanh T, sinh ngày 07/10/2009 và Cao Bảo C, sinh ngày 20/11/2013. Quá trình giải quyết chị D có đề nghị xin được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị; anh H có đề nghị xin được nuôi 02 con và không yêu cầu chị D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con cho anh. Con chung của vợ chồng là Cao Thanh T, và Cao Bảo C thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cháu Cao Thanh T có nguyện vọng được ở với anh H, cháu Cao Bảo C có nguyện vọng được ở với chị D khi bố mẹ ly hôn.

Thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị D đang nuôi 02 con và chị đang có mức thu nhập ổn định, nhưng để tôn trọng nguyện vọng của con chung. Hơn nữa, trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng là ngang nhau. Do đó, để đảm bảo ổn định trong sinh hoạt của các cháu Hội đồng xét xử giao cháu Cao Thanh T cho anh H trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Cao Bảo C cho chị D trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau theo quy định của pháp luật, cũng như kiểm sát viên đề xuất là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị D và anh H không yêu cầu giải quyết tài sản chung vì vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. căn cứ Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị D với anh Cao Văn H.

2. Giao chị Phạm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Cao Bảo C, sinh ngày 20/11/2013 cho đến khi con thành niên; giao anh Cao Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Cao Thanh T, sinh ngày 07/10/2009 cho đến khi con thành niên. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia

đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000[đ] án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000[đ] tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001892 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

□n xử sơ thẩm công khai các đ- ơng sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh